TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 18, 29/04 – 03/05/2024

"Bước vào giai đoạn trũng thông tin"

Tiêu điểm:

- Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã giữ nguyên lãi suất ở mức hiện tại, cảnh báo lạm phát vẫn còn quá cao, đồng thời bác bỏ khả năng tăng lãi suất trong tháng 6.
- Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng trở lại lên trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 4, khi đạt 50.3 so với 49.9 điểm của tháng 3.
- LNST của 441 doanh nghiệp (đại diện 28% vốn hóa trên 3 sàn) tăng +19.7% YoY trong Q1/2024 (Fiintrade).

Đánh giá: Những thông tin trái chiều đang khiến cho thị trường khó có sự cải thiện về thanh khoản. FED vẫn giữ nguyên lãi suất trong bối cảnh lạm phát vẫn ở mức cao. Trong nước, bức tranh KQKD của 441 doanh nghiệp (theo Fiintrade) có sự tăng trưởng nhờ nền thấp song vẫn thấp hơn mức tăng trong Q1/2024. Trong đó nhóm chứng khoán và thép ghi nhận mức hồi phục mạnh do nền thấp cùng kì; nhóm ngân hàng phân hóa mạnh. Ngược lại, nhóm thủy sản, dệt may và hóa chất có sự suy giảm và thấp hơn kì vọng. Xin lưu ý, với mức nền cao hơn của Q2/2023 cộng với báo cáo tài chính của doanh nghiệp sẽ có kiểm toán nên áp lực tăng trưởng lợi nhuận trong Q2/2024 của doanh nghiệp sẽ khó khăn hơn. Về thị trường, tâm lý "sell in may" cũng có thể làm thị trường khó tăng mạnh vì thiếu thông tin hỗ trợ.

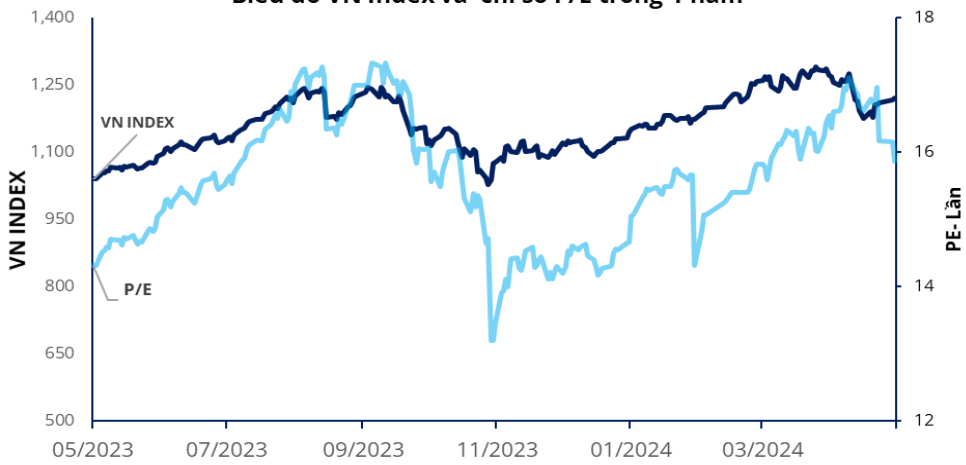
Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, thị trường tiếp tục phục hồi và đóng cửa tại 1,221 (+11.5 điểm, +0.95%) với thanh khoản thấp một phần do kì nghỉ lễ 30/04 và 01/05. VNINDEX kì vọng sẽ giao dịch trong biên độ 1,170 – 1,230 tương ứng lần lượt với EMA 200 và EMA 50.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư nên tham gia thị trường với tỷ trọng thấp hơn giai đoạn uptrend trước và nhanh chóng chốt lời sớm với upside vừa phải.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,221	1.0	-4.0	4.1	8.1		15.1	1.7	195
Upcom Index	90	1.2	-1.5	1.6	3.2		12.6	1.3	51
HNX Index	228	0.6	-6.5	-1.0	-1.2		23.1	1.2	11
VN30 Index	1,256	1.2	-1.5	6.9	11.0		12.0	1.6	137
S&P 500 Index	5,064	-0.7	-2.8	2.1	6.2		24.2	4.6	44,208
STOXX Europe 600 Index	505	-0.6	-1.0	4.3	5.4		15.3	2.1	14,372
Hang Seng	18,476	4.7	10.5	18.9	8.4		10.2	1.1	2,732
Nikkei 225	38,236	0.8	-3.1	5.7	14.3		27.3	2.2	4,645
SHCOMP Index	3,105	0.5	0.9	12.1	4.4		¥N/A N/A	1.3	6,556
STI Index	3,293	0.4	2.2	3.6	1.6		11.7	1.1	368
KOSPI Index	2,677	0.8	-1.1	2.3	0.8		19.3	1.0	1,549

Nguồn: Bloomberg

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.0	-3.6	9.5	-11.8	-24.9	-32.5	81.8	0.3	13.4	1.7	4,361,787
Mid Cap	1.0	-6.3	8.3	-13.2	-34.9	-47.6	17.1	-0.2	18.7	1.2	540,820
Small Cap	0.2	-7.1	-5.9	-20.2	-39.7	-46.5	1.2	-0.1	-661.8	0.7	68,161

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Du lịch và Giải trí	3.9	12.4	14.1	9.4	0.7	43.7	1.3	0.3	n.a	11.3	110,126
Thực phẩm và đồ uống	2.1	-2.4	-1.2	-7.1	-28.8	-39.8	7.8	0.4	22.0	2.2	421,201
Công nghệ Thông tin	2.1	8.4	27.6	-29.0	5.4	14.9	3.5	-0.8	24.2	4.0	175,196
Ô tô & Phụ tùng	2.0	-4.6	6.8	15.4	-39.8	-44.9	0.4	0.1	16.2	1.2	15,606
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.0	-3.1	16.9	25.5	-3.0	-16.0	7.5	2.2	14.8	1.4	152,351
Xây dựng và vật liệu	1.6	-8.3	0.9	-8.8	-36.0	-53.7	4.3	0.2	19.6	1.2	128,146
Tiện ích	1.4	-7.1	0.0	-1.7	-21.7	-29.0	1.3	0.1	18.8	1.8	297,213
Bán lẻ	1.4	7.6	29.6	48.7	69.7	68.8	10.7	4.4	82.5	3.6	120,623
Tài nguyên cơ bản	1.1	-5.6	1.0	-20.7	-34.0	-49.9	5.2	-0.6	22.9	1.4	213,975
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0	-2.5	13.1	8.8	-3.8	-8.8	1.8	0.3	15.2	1.9	60,303
Bất động sản	0.9	-8.4	-1.8	-13.8	-38.3	-40.9	19.8	-0.4	15.8	1.1	736,838
Bảo hiểm	0.9	-4.7	2.1	50.9	26.0	-19.0	0.2	0.1	13.4	1.4	41,607
Dầu khí	0.7	-6.5	4.6	-21.4	-49.8	-57.0	0.8	-0.1	19.0	2.1	62,307
Ngân hàng	0.6	-2.2	15.1	-23.7	-33.8	-39.2	19.1	-2.9	9.7	1.5	1,980,432
Dược và Y tế	-0.1	-1.3	6.3	-22.2	-18.6	-25.2	0.1	0.0	6.9	2.0	36,625
Truyền thông	-0.3	-11.1	-23.6	-5.4	-63.5	-80.4	0.0	0.0	23.0	0.9	1,636
Hóa chất	-0.3	-10.8	25.2	6.9	-11.7	-30.4	5.0	0.9	24.4	1.9	220,834
Tài chính	-0.9	-12.6	5.5	-36.5	-44.7	-55.5	11.2	-4.3	18.3	1.5	191,202

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,163**	9.1	-54.0	-188.1	-311.2
Nước ngoài	**2,225**	8.8	-25.7	-115.5	-99.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	499	0.0	0.0	1.3	70.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	802	8.8	17.8	-25.9	44.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	411	0.0	-25.1	-42.4	-212.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	299	0.0	-15.5	-44.6	25.9
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	189	0.0	0.0	0.1	-21.1
Premia MSCI Vietnam ETF	10	0.0	-3.0	-4.1	-5.6
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**938**	0.3	-28.3	-72.6	-212.1
DCVFMVN Diamond ETF	555	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	287	0.0	-6.1	-40.8	-81.5
SSIAM VNFIN LEAD ETF	57	0.3	-21.1	-30.7	-129.0
MAFN VN30 ETF	24	0.0	-0.1	-0.1	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	5	0.0	-1.1	-1.1	-2.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.1	0.1	2.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	4,960	-3,356	-3,356
Ấn độ	222	-1,097	-1,097	261
Indonesia	-141	-161	-1,168	518
Nhật Bản*	-3,185	19,808	22,993	30,213
Maylaysia	142	9	-279	-465
Philippines	-268	-2	-414	-251
Hàn Quốc	474	-7	1,748	13,975
Sri Lanka	-2	0	0	-26
Đài Loan	704	-467	-5,295	-566
Thái Lan	-18	-60	48	-1,885
Việt Nam	-28	-28	-158	-559

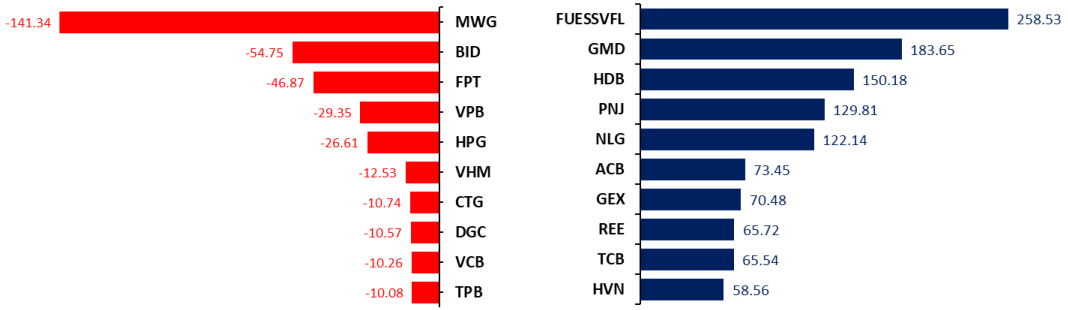
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

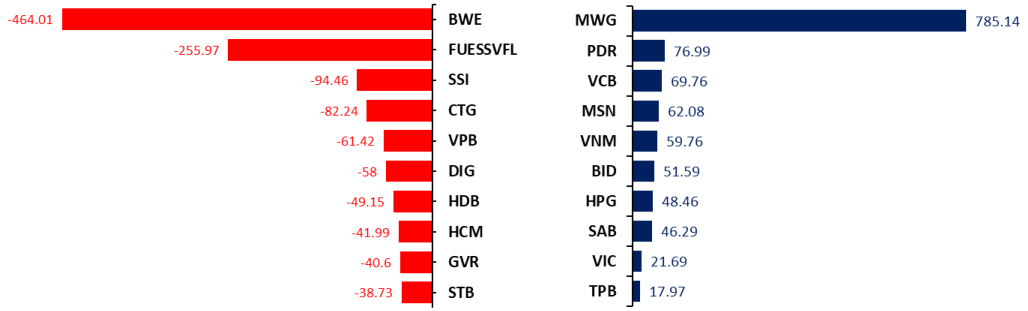
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	215	-100	3	97
Tài nguyên Cơ bản	-36	-24	52	-28
Truyền thông	0	1	-1	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	341	-21	-81	101
Y tế	0	1	-1	0
Hóa chất	-11	-29	12	17
Dịch vụ tài chính	313	-374	260	114
Du lịch và Giải trí	55	1	-7	7
Ngân hàng	154	-110	268	-158
Xây dựng và Vật liệu	1	-12	18	-6
Thực phẩm và đồ uống	-10	83	-82	-1
Bán lẻ	-149	232	307	-539
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3	-484	161	323
Hàng cá nhân & Gia dụng	130	-4	-21	24
Công nghệ Thông tin	-47	-5	46	-40
Ô tô và phụ tùng	1	-12	0	12
Bảo hiểm	0	5	-5	0
Dầu khí	2	-16	0	16
Tổng	961	-867	930	-63

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TDM	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	35.54 - 51.50	46.8	-8.9%
2	PIT	Bán lẻ	4.21 - 11.80	6.0	-7.7%
3	TCO	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.34 - 14.50	10.9	-7.6%
4	QBS	Hóa chất	1.23 - 3.56	1.3	-6.9%
5	GTA	Tài nguyên Cơ bản	10.90 - 19.30	10.9	-6.8%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
14.3%	7.3	3.49 - 7.27	Xây dựng và Vật liệu	DXV
13.8%	14.8	11.10 - 18.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ABR
11.7%	10.3	6.06 - 10.30	Xây dựng và Vật liệu	HAS
10.8%	3.5	2.63 - 4.29	Xây dựng và Vật liệu	HID
9.8%	10.3	33.50 - 68.40	Hóa chất	VFG

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	L62	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.80 - 3.90	1.8	-18.2%
2	VE3	Xây dựng và Vật liệu	8.10 - 15.10	9.0	-17.4%
3	L43	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.00 - 5.70	2.0	-16.7%
4	L61	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.50 - 7.40	2.7	-10.0%
5	CET	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.60 - 10.90	7.0	-9.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
19.3%	16.1	10.90 - 22.40	Truyền thông	BST
19.0%	16.3	6.80 - 18.00	Xây dựng và Vật liệu	VC6
18.4%	5.8	2.90 - 7.50	Bất động sản	AAV
12.9%	3.5	2.70 - 4.30	Y tế	VHE
12.2%	4.6	3.20 - 7.00	Thực phẩm và đồ uống	HKT

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HAV	Thực phẩm và đồ uống	2.60 - 6.30	3.0	-25.0%
2	TRT	Xây dựng và Vật liệu	5.00 - 17.60	5.0	-23.1%
3	TLT	Xây dựng và Vật liệu	11.10 - 18.90	12.0	-20.0%
4	DBM	Y tế	24.10 - 37.00	24.1	-17.7%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	0.40 - 1.00	0.5	-16.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
33.5%	25.5	6.20 - 25.60	Xây dựng và Vật liệu	VXB
25.0%	0.5	0.40 - 0.80	Bất động sản	PPI
25.0%	0.5	0.30 - 0.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	NHP
21.8%	6.7	4.10 - 8.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MTL
21.8%	6.7	3.00 - 7.90	Xây dựng và Vật liệu	VTA

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	CTF	CTCP Cảng Quy Nhơn	Ô tô và phụ tùng	4,288.4	118.9	30.7	26.38 - 34.24	2.5
2	BIC	Bảo hiểm BIDV	Bảo hiểm	5,646.8	106.7	30.5	22.70 - 32.00	9.5
3	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3,977.8	58.9	14.7	12.30 - 17.60	8.5
4	MWG	Thế giới di động	Bán lẻ	843,437.4	52.7	55.7	33.60 - 59.30	11.8
5	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	24,788.4	47.9	68.9	42.70 - 69.10	7.0
6	FRT	Bán lẻ FPT	Bán lẻ	283,429.8	41.0	164.0	53.65 - 166.00	13.1
7	GMD	Gemadept	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	417,312.6	37.1	85.5	49.05 - 86.50	8.2
8	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,481.6	35.3	33.4	25.40 - 34.40	0.0
9	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15,009.6	33.7	44.3	39.70 - 49.60	2.8
10	AGG	Bất động sản An Gia	Bất động sản	40,796.0	30.9	23.4	19.70 - 36.00	17.6

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

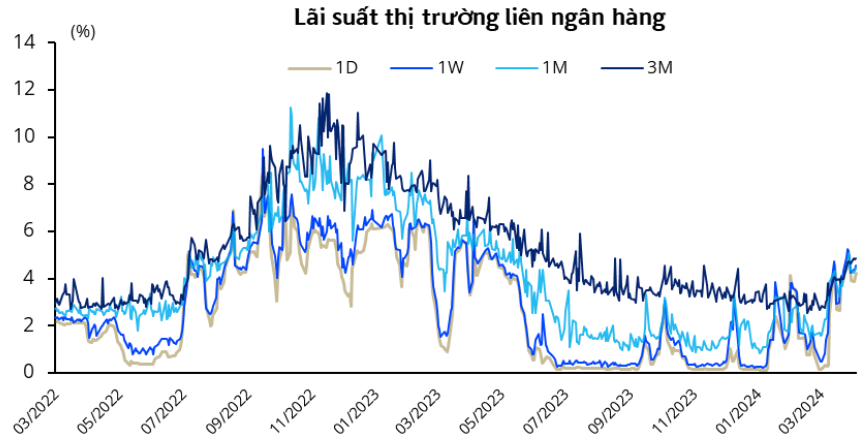
Tỷ giá

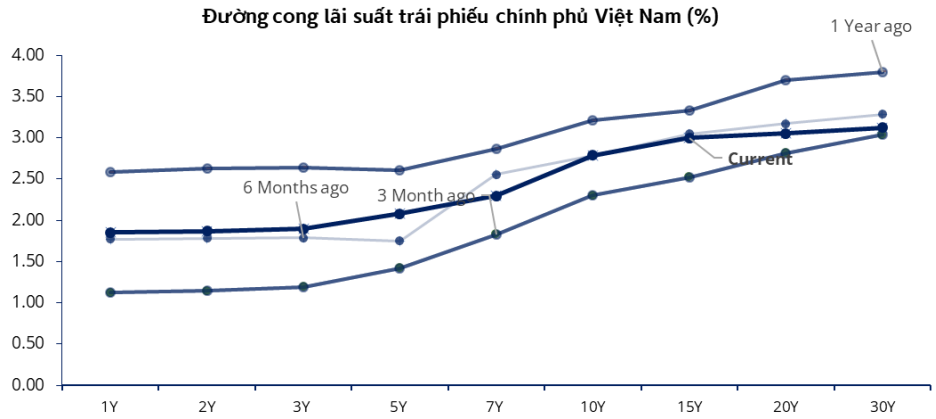
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	105.17	-0.7	0.9	1.2	3.8	
VND/USD	25,414	0.3	1.7	4.2	4.7	
KRW/USD	1,363.00	-0.9	1.0	2.4	5.8	
JPY/USD	153.03	-3.3	0.9	2.9	8.5	
EUR/USD	0.93	-0.5	0.9	0.0	2.7	
SGD/USD	1.35	-0.8	0.3	0.4	2.4	
CNY/USD	7.24	-0.1	0.1	1.0	2.0	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	78.87	-5.9	-7.7	9.1	10.1	
Xăng	260.26	-5.9	-5.7	21.2	23.8	
Gas	2.03	25.6	10.1	-2.5	-19.4	
Than	147.75	14.3	11.7	26.6	0.9	
Vàng	2,301.75	-1.5	0.1	13.7	11.6	
Bạc	26.56	-2.4	-2.3	18.8	11.6	
Platinum	971.53	5.9	3.3	8.0	-2.1	
Quặng sắt	118.08	7.7	14.7	-8.2	-13.4	
Thép cán	3,817.00	-0.3	2.2	-6.6	-6.4	
Lúa mì	586.50	-2.6	7.6	-2.2	-6.6	
Ngô	455.50	3.5	5.5	2.9	-3.3	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam





Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.